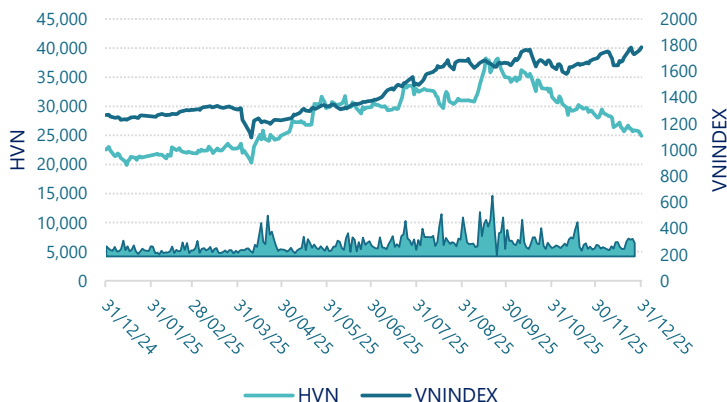


Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP (HSX: HVN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	24,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	38,250
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,899
SL cổ phiếu LH	3,111,498,211
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,204,835
% sở hữu nước ngoài	8.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	77,476
P/E	10.6
EPS	2,347

DT thuần

Q4/25

32,291

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1,920 | 6.3%

YoY: ▲ 5,666 | 21.3%

LN sau thuế

Q4/25

540

tỷ VNĐ

QoQ: ▼192 | -26.3%

YoY: ▼464 | -46.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

7.5%

+/- YoY: ▼ 1.6%

DT thuần

2025

121,213

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 15,271 | 14.4%

LN sau thuế

2025

7,714

tỷ VNĐ

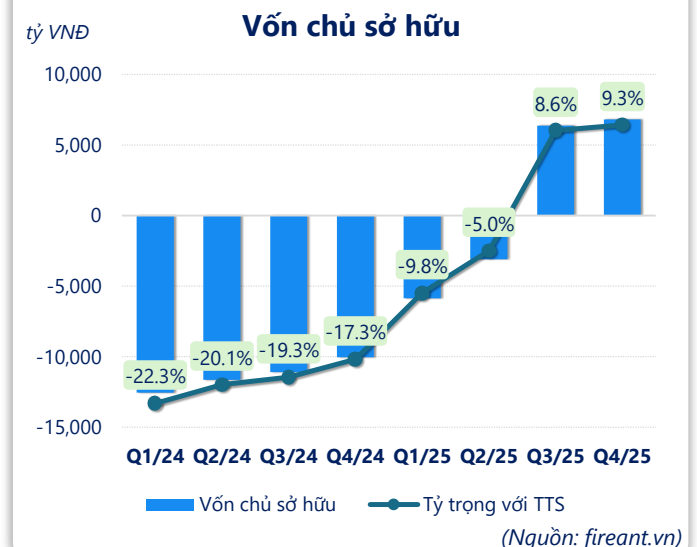
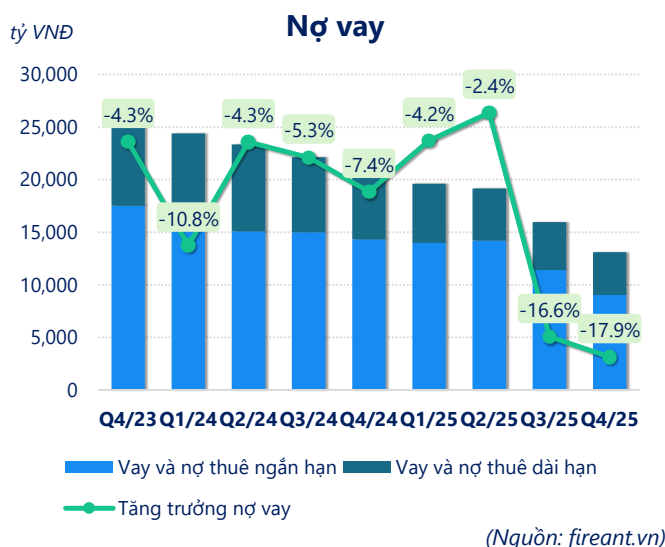
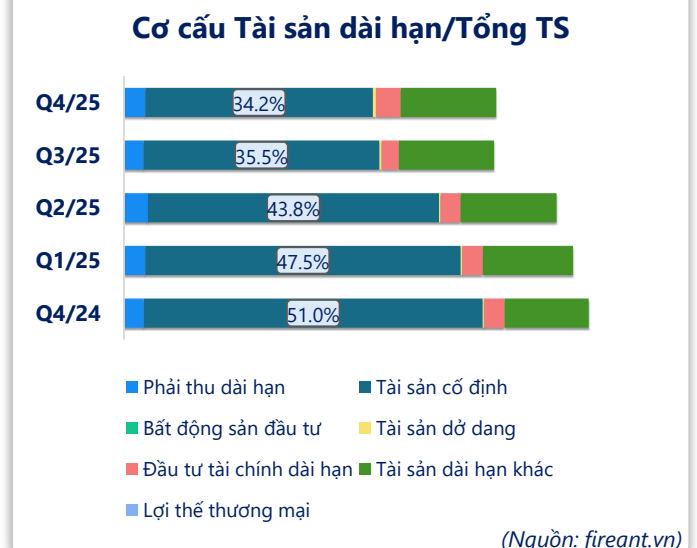
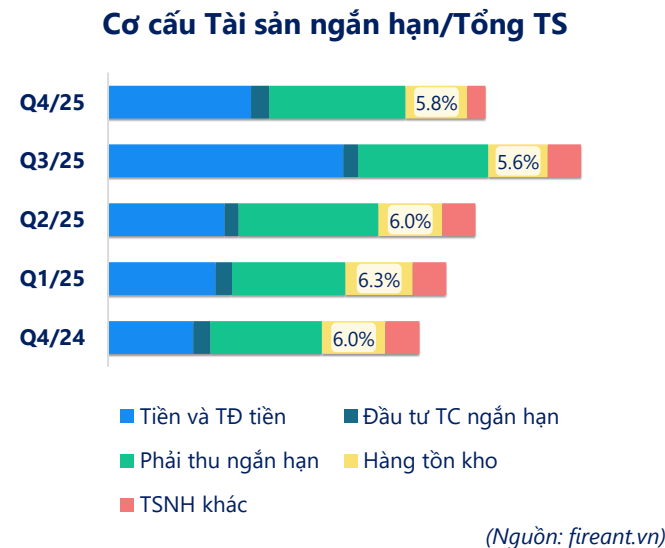
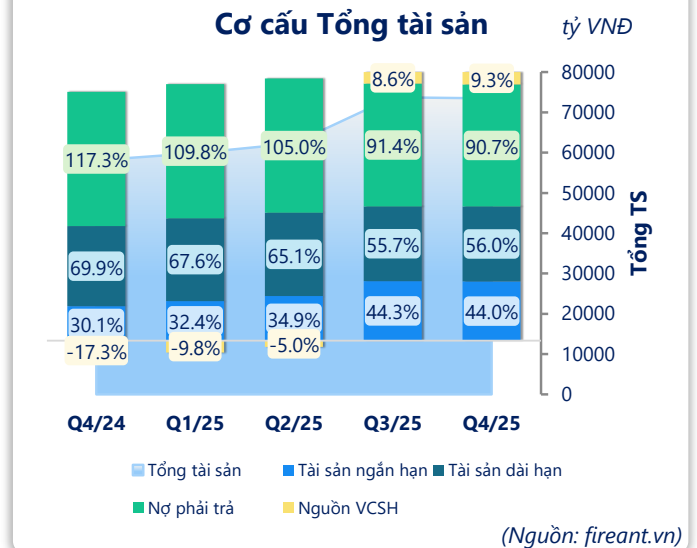
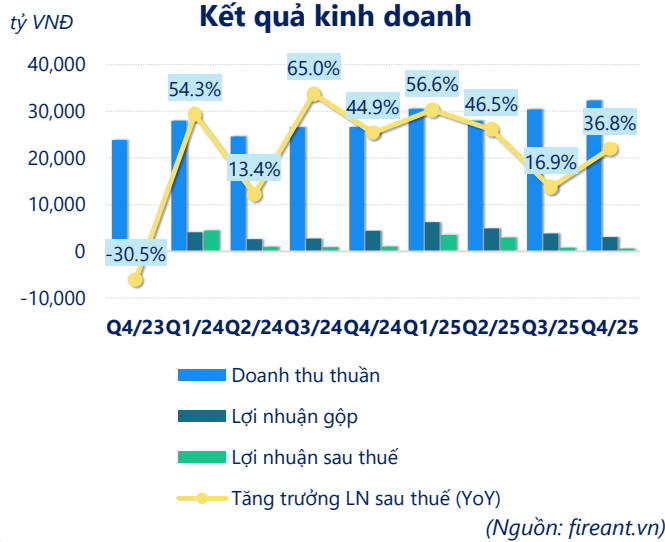
YoY: ▼244 | -3.1%

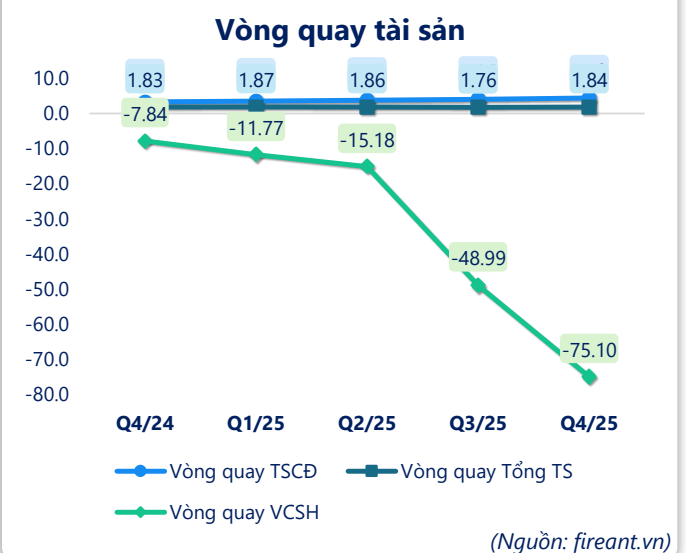
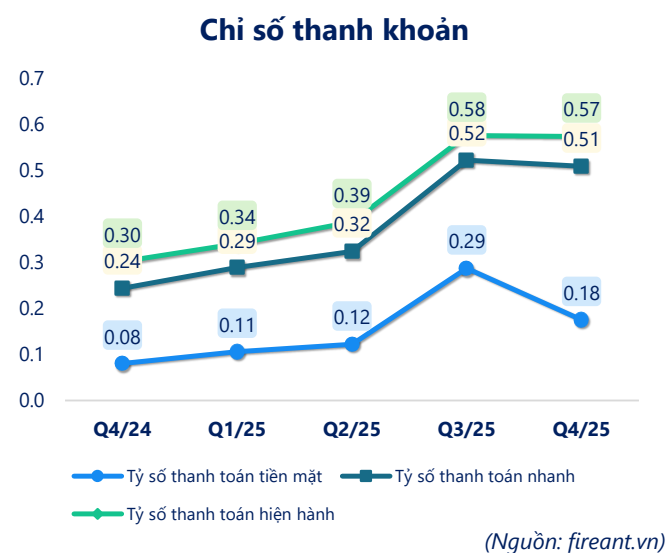
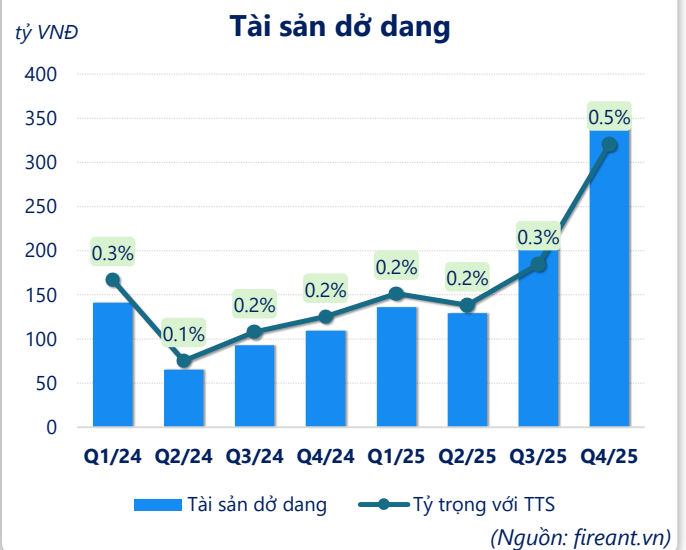
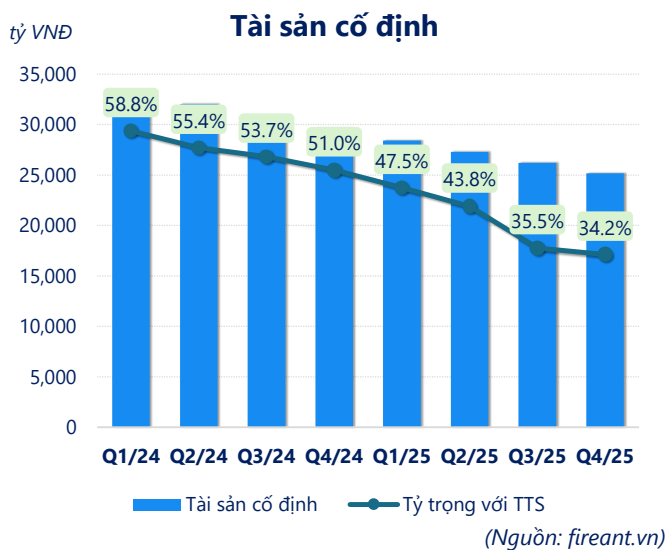
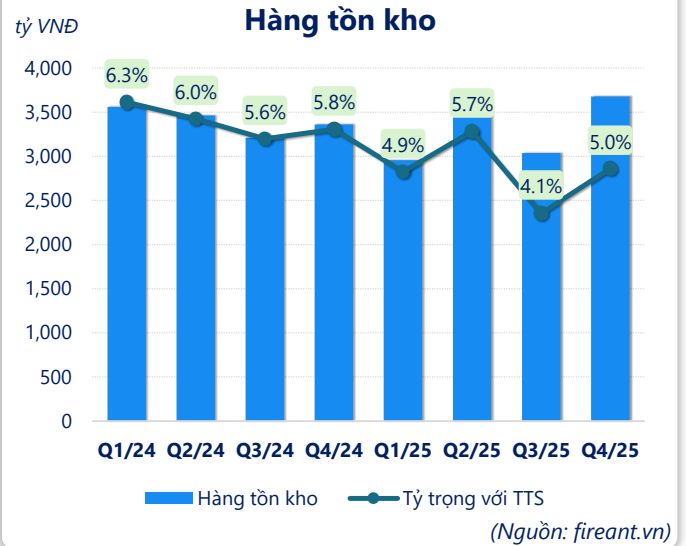
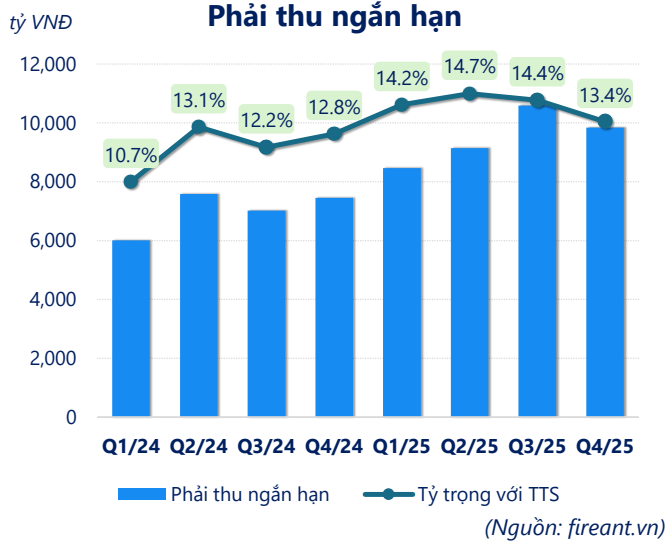
ROE

2025

-578%

+/- YoY: ▼ 521%





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	58,064	59,838	62,334	73,737	73,490
Tài sản ngắn hạn	17,462	19,408	21,761	32,684	32,341
Tiền và tương đương tiền	4,651	6,049	6,836	16,304	9,885
Đầu tư tài chính ngắn hạn	984	982	1,392	1,865	8,066
Phải thu ngắn hạn	7,455	8,468	9,138	10,591	9,837
Hàng tồn kho	3,359	2,957	3,581	3,038	3,679
Tài sản ngắn hạn khác	1,012	952	815	887	873
Tài sản dài hạn	40,602	40,430	40,573	41,053	41,150
Phải thu dài hạn	1,739	1,907	2,247	2,154	2,355
Tài sản cố định	29,591	28,416	27,293	26,206	25,162
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	109	136	129	204	353
Đầu tư tài chính dài hạn	1,796	1,828	1,874	1,934	2,706
Tài sản dài hạn khác	7,368	8,144	9,029	10,555	10,574
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	68,109	65,693	65,433	67,368	66,673
Nợ ngắn hạn	57,813	56,939	56,051	56,748	56,336
Vay và nợ thuê ngắn hạn	14,311	13,976	14,219	11,395	9,037
Phải trả người bán ngắn hạn	30,182	28,286	29,030	31,806	32,915
Nợ dài hạn	10,296	8,753	9,381	10,620	10,337
Vay và nợ thuê dài hạn	6,172	5,647	4,929	4,567	4,067
Nguồn vốn chủ sở hữu	-10,045	-5,854	-3,099	6,369	6,817
Vốn chủ sở hữu	-10,045	-5,854	-3,099	6,369	6,817
Vốn điều lệ	22,144	22,144	22,144	31,115	31,115
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)